

# Đào tạo nhân lực ở Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp

**TS. DƯƠNG ĐĂNG KHOA**

*Trường Đại học Võ Trường Toản*

**Đ**ào tạo nhân lực ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong những năm gần đây đang gặp nhiều khó khăn và thách thức. Bài viết này trình bày khái quát thực trạng đào tạo nhân lực ở ĐBSCL và nêu ra một số nhận định về những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhân lực trong vùng được đào tạo chưa nhiều và chất lượng lao động đã qua đào tạo chưa cao. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp cải thiện chất lượng đào tạo nhân lực trong vùng.

**Từ khoá:** Đào tạo nhân lực, giáo dục đại học, nhân lực Đồng bằng sông Cửu Long

## 1. Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia hay vùng lãnh thổ. Nguồn nhân lực được đào tạo có chất lượng cao sẽ mang lại những bước đột phá lớn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong một thời gian rất dài, ĐBSCL được coi là vùng trũng về giáo dục của cả nước, tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo luôn thấp nhất cả nước. Mười năm trở lại đây, ĐBSCL đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư phát triển giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc giáo dục đại học ở ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung vẫn đang tồn tại nhiều bất cập.

## 2. Thực trạng đào tạo nhân lực ở Đồng bằng sông Cửu Long

Cùng với sự phát triển chung của cả nước thì trong những năm qua ĐBSCL cũng đã đạt được những thành tựu đáng kể trong

phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, nhìn vào số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục thống kê năm 2013 về lao động và việc làm của các vùng kinh tế thì việc đào tạo nguồn nhân lực ở ĐBSCL đang đi sau cả nước trong quá trình phát triển. Theo số liệu điều tra năm 2013, lực lượng lao động của vùng ĐBSCL là 10.322.900 người, chiếm 19,4% lực lượng lao động cả nước (đứng thứ 2 sau Đồng bằng sông Hồng). Trong đó, lực lượng tham gia lao động là 77,2%, thấp nhất trong 6 vùng kinh tế. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo trung bình của cả nước năm 2013 là 17,9% trong khi đó tỷ lệ này của vùng chỉ đạt 10,4% thấp nhất cả nước. Trong khi dân số tương đương với ĐBSCL thì tỷ lệ lao động đã qua đào tạo năm 2013 của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 16,4%.

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo thấp nhất cả nước cho thấy chất lượng người lao động của vùng

còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế. “Lao động có kỹ năng là tiền đề cho sự phát triển bền vững, thu nhập cao và đáp ứng được yêu cầu của các ngành trong việc sử dụng công nghệ hiện đại và hoạt động quản lý” [2, trang 29]. Trong nhiều năm trở lại đây, tiền lương bình quân trả cho lao động làm công ăn lương ở ĐBSCL được đánh giá là thấp nhất so với các vùng kinh tế trong cả nước. Theo số liệu thống kê tính đến thời điểm ngày 1/7/2014 thì tiền lương bình quân người lao động làm công ăn lương nhận được ở ĐBSCL là 3.323.000đ/người/tháng, thấp hơn cả khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung nơi vốn được đánh giá là không có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội đến hơn 600.000đ/người/tháng. Trong khi đó, mức tiền lương bình quân của cả nước là 4.335.000đ/người/tháng và nơi cao nhất là Hà Nội với 5.504.000đ/

tháng. Lao động không qua đào tạo, chất lượng đào tạo lao động chưa cao, năng suất lao động thấp là một trong những nguyên nhân dẫn đến thu nhập của người lao động làm công ăn lương ở đây còn thấp. Ngoài ra, kinh tế vùng chưa phát triển, số lượng doanh nghiệp và nhu cầu nhân lực còn thấp nên dẫn đến tình trạng thừa lao động cũng là nguyên nhân chính dẫn đến thu nhập của người lao động thấp.

Từ thực trạng trên có thể thấy ĐBSCL có lực lượng lao động rất dồi dào tuy nhiên lực lượng lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ rất thấp. Lao động chưa qua đào tạo còn nhiều chứng tỏ nhu cầu đào tạo nhân lực ở ĐBSCL là rất cao. Tính đến thời điểm tháng 7 năm 2014 cả vùng đã có 42 trường đại học, cao đẳng và 30 trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) (bao gồm cả những trường mới có quyết định thành lập). Như vậy, có thể nói hiện nay ở ĐBSCL không thiếu các cơ sở đào tạo nhân lực về số lượng. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng tỷ lệ lao động trong vùng được đào tạo thấp như vậy mà nhiều cơ sở đào tạo vẫn không tuyển đủ người học. Có thể dẫn giải một

số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, do số lượng các trường đại học, cao đẳng tuy nhiều nhưng do mới thành lập hoặc chưa tạo được uy tín trong đào tạo nên không thu hút được người học. Nhiều người học kể cả các bậc phụ huynh lo lắng rằng nếu như học ở các trường chưa có uy tín thì có thể sẽ khó xin được việc làm sau khi ra trường. Từ đó dẫn đến tình trạng nhiều học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông nếu không đỗ được vào các trường công lập có uy tín thì sẽ không tiếp tục việc học.

Thứ hai, do một bộ phận không nhỏ người dân trong khu vực vẫn có suy nghĩ không coi trọng việc học. Trong một thời gian rất dài người miền Tây nhận được nhiều ưu đãi từ thiên nhiên nên không cần phải lao động vất vả họ vẫn đủ ăn đủ mặc. Do đó một bộ phận không nhỏ người dân trong vùng chưa ý thức được giá trị của học vấn nên đã không khuyến khích, tạo điều kiện cho con cái theo đuổi một nền học vấn cao hơn vì họ không thấy không thật sự cần thiết. Bên cạnh đó, bản thân người học cũng không cố gắng trong việc học tập những kỹ năng mềm để tăng cơ hội tìm việc làm, thay vào đó là tâm lý học cho xong chương trình để lấy được bằng cấp, chứng chỉ. Đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều sinh viên thất nghiệp sau khi ra trường hoặc có việc làm nhưng thu nhập thấp.

Thứ ba, do thu nhập của người dân còn thấp nên không có khả năng lo cho con cái trả các khoản chi phí ngày càng cao ở các trường đại học, cao đẳng, TCCN hay các trường dạy nghề. Mặc dù trong quá khứ đời sống của người dân ĐBSCL không quá khó khăn như các vùng trung du miền núi phía Bắc hay Bắc Trung Bộ nhưng tài sản tích lũy của một bộ phận lớn người dân thì hầu như không có vì họ đã quen với tâm lý làm ngày nào ăn ngày đó. Chính vì vậy thu nhập của họ chỉ dừng lại ở mức phục vụ cho sinh hoạt phí hàng ngày nên khi phải lo chi phí cho con cái học tập ngày càng cao thì họ cảm thấy rất khó khăn vì không có sự chuẩn bị từ trước.

Thứ tư, do tâm lý sống an nhàn của người dân nên mặc dù lực lượng lao động đã qua đào tạo nghề các ngành như cơ khí, điện, điện tử, xây dựng, may mặc của khu vực còn thiếu nhưng rất ít người quan tâm đến ngành học này kể cả người học và phụ huynh. Nhưng trên thực tế, nếu được đào tạo các nghề này một cách bài bản thì nó sẽ tạo ra một lực lượng lao động mà cả nước đang thiếu hụt về số lượng lẫn chất lượng đó là công nhân nghề.

Thứ năm, do thực trạng phát triển kinh tế của vùng.

**Bảng 1: Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo, năm 2013**

Vùng	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (%)
Trung du và miền núi phía Bắc	15,6
Đồng bằng sông Hồng	19,7
Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung	15,9
Tây Nguyên	13,1
Đông Nam Bộ	16,3
Đồng bằng sông Cửu Long	10,4
Hà Nội	36,2
Thành phố Hồ Chí Minh	31,6

Nguồn: Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2013 của Tổng cục Thống kê, 2014, trang 29.

**Bảng 2: Tiền lương bình quân/tháng của lao động làm công ăn lương từ 15 tuổi trở lên thời điểm ngày 01/7/2013**

Vùng	Tiền lương (đồng)
Trung du và miền núi phía Bắc	4.505.000
Đồng bằng sông Hồng	4.228.000
Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung	3.956.000
Tây Nguyên	4.016.000
Đông Nam Bộ	4.533.000
Đồng bằng sông Cửu Long	3.323.000
Hà Nội	5.504.000
Thành phố Hồ Chí Minh	5.482.000

Nguồn: Báo cáo Điều tra lao động việc làm quý II năm 2014 của Tổng cục Thống kê, 2014, trang 38.

Hiện ĐBSCL là khu vực có lượng vốn đầu tư nước ngoài tương đối thấp cũng như số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ sử dụng lao động đã qua đào tạo không nhiều. Chủ yếu là các doanh nghiệp chế biến thực phẩm và nhu cầu đối với lực lượng lao động phần lớn là lao động phổ thông không qua đào tạo, sự chênh lệch tiền lương của lao động đã qua đào tạo và lao động chưa qua đào tạo không nhiều nên có một số lượng lớn người lao động có thể tìm được việc làm công nhân trong các nhà máy chế biến mà không cần phải tham gia các chương trình đào tạo vừa tốn thời gian, chi phí.

Ngoài những nguyên nhân đã tồn tại lâu dài kể trên, trong một thời gian ngắn đã có quá nhiều trường đại học, cao đẳng mới được thành lập đã tạo nên một sự hỗn loạn nhất định trong thị trường giáo dục vốn là một ngành kinh doanh rất nhạy cảm. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin của các bậc phụ huynh và chính người học đối với hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam, đặc biệt là các cơ sở đào tạo ngoài công lập.

Tại hội nghị tổng kết 20 năm phát triển các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đã đưa ra những định hướng cơ bản về phát triển giáo dục đại học ngoài công lập đến năm 2020 trong đó có một nội dung đang được xã hội quan tâm rất nhiều đó là:

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa có chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các trường ngoài công lập, đặc biệt đối với các trường ngoài công lập có vốn đầu tư lớn, chất lượng cao; tạo điều kiện tăng tỷ lệ các cơ sở giáo dục đại học

ngoài công lập và tỷ lệ sinh viên theo học các trường ngoài công lập trên cơ sở đảm bảo quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, đáp ứng quy hoạch nguồn nhân lực của các địa phương, khu vực và cả nước (Bộ GD&ĐT, 2014).

Điều này nghe có vẻ hợp lý nếu như việc tăng số lượng các trường đại học, cao đẳng đào tạo nguồn nhân lực mà xã hội đang thiếu và các cơ sở đào tạo hiện tại không đáp ứng được. Nhưng thực tế trong vài năm trở lại đây thì hầu hết các trường cao đẳng, đại học mới thành lập ở khu vực ĐBSCL lại chỉ tập trung nguồn lực để đào tạo nhân lực cho những ngành mà xã hội hiện nay đang thừa và hầu như tất cả các trường đại học, cao đẳng trong cả nước đang đào tạo như kinh tế, tài chính, kế toán, ngoại ngữ, tin học... Rất nhiều trường trong nhiều năm liền không tuyển đủ chỉ tiêu mặc dù đã có đầy đủ cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên phục vụ cho công tác đào tạo. Và cho đến nay, cả khu vực có hàng chục trường đại học, cao đẳng nhưng vẫn chưa có trường nào có chất lượng cao thu hút sinh viên ở các vùng hay địa phương khác đến học.

Theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng đến năm 2020 của chính phủ thì toàn vùng ĐBSCL đến năm 2020 sẽ có 20 trường đại học và 30 trường cao đẳng. Như vậy, việc cho phép thành lập thêm nhiều trường đại học, cao đẳng mới với những ngành đào tạo giống nhau liệu có đảm bảo được mục tiêu tăng cường việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho phát triển kinh tế của vùng hay chỉ làm gia tăng thêm sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các cơ sở đào tạo, đặc biệt là các cơ sở đào tạo ngoài công lập. Các cơ sở đào

tạo ngoài công lập cũng như các cơ sở đào tạo địa phương trong khu vực nhiều năm trở lại đây đang gặp rất nhiều khó khăn trong tuyển sinh. Năm 2013, các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng trong khu vực mặc dù được phép tuyển sinh cao đẳng, đại học thấp hơn mức điểm sàn của Bộ GD&ĐT đối với các sinh viên có hộ khẩu tại ĐBSCL nhưng rất nhiều trường không tuyển đủ chỉ tiêu, thậm chí có trường chỉ tuyển được dưới 10% chỉ tiêu của một số ngành và nhiều ngành thậm chí không tuyển được sinh viên nào. Nhiều giải pháp mà Bộ GD&ĐT đưa ra trong thời gian qua chủ yếu là những giải pháp nhằm giúp tăng số lượng tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng trong khu vực mà chưa thấy một giải pháp nào cụ thể cho việc tăng chất lượng đào tạo tại các cơ sở này cũng như tăng hiệu quả đào tạo nhân lực trong vùng. Nếu thực trạng này kéo dài sẽ dẫn đến tình trạng lãng phí rất lớn nguồn lực xã hội cả thời gian và chi phí cho đào tạo.

### 3. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực cho ĐBSCL

Với thực trạng đào tạo nhân lực nói chung và giáo dục đại học nói riêng trong khu vực đang có nhiều bất cập như hiện nay, để giáo dục đại học trong vùng cất cánh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội thì cần có những giải pháp xuất phát từ các cơ quan quản lý lẫn bản thân các cơ sở đào tạo:

Thứ nhất, các cơ quan quản lý nên tăng cường vai trò của mình trong việc quy hoạch ngành nghề đào tạo và quản lý chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo. Nên để các trường hoạt động tự chủ theo cơ chế tự đào thải thay vì tìm đủ mọi cách để giúp các trường có



thể tuyển được sinh viên như hiện nay. Việc cho phép mở trường, mở ngành tràn lan và thay đổi cơ chế tuyển sinh như hiện nay không chỉ tăng nguy cơ lãng phí nguồn lực của xã hội mà nó còn để lại một hệ lụy rất nghiêm trọng tạo ra một lực lượng lao động đã qua đào tạo có chất lượng kém trong tương lai, làm mất đi cơ hội việc làm của những lao động có chất lượng. Trong thời gian tới đề nghị chính phủ nên ngưng lại việc cấp phép thành lập mới các trường đại học, cao đẳng đào tạo những ngành hiện nay trong khu vực đã có nhiều trường đào tạo. Thay vào đó là tập trung rà soát và tạo điều kiện hỗ trợ các trường đang gặp khó khăn trong việc đảm bảo các yếu tố để nâng cao chất lượng đào tạo. Khi mà các trường hiện có đã hoạt động hiệu quả, đảm bảo việc đào tạo chất lượng tốt mà không đủ để đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực thì hãy tiếp tục thành lập các trường mới hoặc cho phép các trường hiện tại mở những ngành mới mà nhu cầu xã hội đang cần.

Thứ hai, bên cạnh việc quy hoạch ngành nghề đào tạo của các trường thì Bộ GD&ĐT cũng cần có những giải pháp để thay đổi hoạt động hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Thực tế các hoạt động hướng nghiệp hiện nay ở các trường phổ thông đều mang tính hình thức. Do đó, cần có những hoạt động cụ thể và mang tính chiến lược hơn trong việc định hướng nghề nghiệp cho các em. Thay vì đợi đến năm cuối cấp mới cho các em tiếp xúc với các buổi hướng nghiệp diễn ra tập trung trong một thời gian ngắn và đa số các em ở trong thế bị động thì nên đưa các hoạt động này vào xuyên suốt trong 3 năm phổ thông để các em có thời gian dài suy

nghĩ và tìm hiểu về ngành nghề phù hợp một cách chủ động hơn. Thực tế, nhiều em học sinh khi làm hồ sơ đăng ký dự thi đại học cũng chưa biết mình thích nghề nào và liệu mình có phù hợp với nghề đó không vì hoàn toàn không biết nếu học ngành đó thì mình sẽ phải học những gì và sau này ra trường sẽ làm những công việc cụ thể như thế nào. Từ đó dẫn đến trường hợp các em sẽ đăng ký đại hoặc theo trào lưu nên dẫn đến tình trạng một số ngành có quá nhiều sinh viên theo học trong khi có những ngành xã hội đang thiếu thì lại có rất ít sinh viên theo học.

Thứ ba, con người là tiền đề để phát triển kinh tế xã hội, do đó phát triển con người luôn là ưu tiên hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, nhìn vào thực tế ở ĐBSCL thì muốn nâng cao số lượng cũng như chất lượng lao động đã qua đào tạo thì các cơ quan quản lý trong khu vực phải tạo ra được sự thay đổi trong nhận thức về giá trị của học vấn cho người dân. Cụ thể hơn, với người dân ĐBSCL họ rất thực tế do đó để khuyến khích người dân học tập nâng cao trình độ thì các nhà quản lý phải tạo được một môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút các dự án kinh tế sử dụng nhiều lao động đã qua đào tạo. Thấy được nhu cầu nhân lực trong tương lai gần thì khi đó chắc chắn họ sẽ coi trọng việc học tập nâng cao trình độ và có được việc làm tốt hơn trong tương lai.

Thứ tư, đối với các cơ sở đào tạo thì ngoài việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo thì cũng cần xây dựng chuẩn đầu ra riêng để đảm bảo sinh viên sau khi ra trường có đủ kỹ năng nhà tuyển dụng yêu cầu. Nếu thực hiện được điều này thì sẽ tạo dựng được uy

tín về chất lượng đào tạo đối với xã hội cũng như các nhà tuyển dụng. Điều đó không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực trong vùng mà cũng góp phần trực tiếp trong việc đảm bảo sự tồn tại và bền vững của các cơ sở đào tạo.

#### 4. Kết luận

Tuy việc mở trường, mở ngành đào tạo thời gian qua còn nhiều bất cập nhưng không thể phủ nhận vai trò của các trường đại học, cao đẳng đối với sự phát triển kinh tế của khu vực. Việc nhiều trường đại học mở ra trong thời gian qua đã góp phần tăng đáng kể số lượng lao động được đào tạo của vùng, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm và nâng cao thu nhập của một lượng lớn thanh niên, góp phần nâng cao mức sống của người dân trong khu vực. Việc ngày càng có nhiều sinh viên cao đẳng, đại học ra trường đã phần nào làm thay đổi nhận thức về vai trò của học vấn đối với một số lượng lớn người dân ĐBSCL. Điều này sẽ tạo một hiệu ứng tích cực đó là tạo ra một thế hệ trẻ trong tương lai tự tin, năng động hơn. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng đào tạo đại học, cao đẳng trong khu vực hiện nay chưa hiệu quả xuất phát trước hết là từ những yếu kém trong chính sách quản lý giáo dục, từ bản thân các cơ sở đào tạo và cả nhận thức về học vấn của người dân trong vùng. Do đó, để các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực phát triển, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội thì đòi hỏi sự thay đổi trong tư duy của cả các nhà quản lý, trách nhiệm của các cơ sở đào tạo đối với người học, đối với xã hội và nhận thức về giá trị học vấn của cộng đồng dân cư.

*(Xem tiếp trang 88)*